

VÀI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH HỌC NHẬT BẢN^(*)

Nguyễn Minh Nguyễn^()**

^(**) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nguyen.dhpd@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết bước đầu tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Nho học Nhật Bản, cũng là quá trình hình và thành phát triển của kinh học Nhật Bản. Nghiên cứu kinh học Nhật Bản thể hiện qua việc thành lập nhiều trường học giảng dạy kinh điển Nho giáo. Kết quả rõ nét của nghiên cứu kinh học là sự xuất hiện các văn bản luật của triều đình. Bên cạnh đó, nó cũng tác động đến tư tưởng của các nhà Nho với triết lý mang đậm tư duy của người Nhật, như Ogyu Sorai, Jinsai Ito... Có thể nói, kinh học Nhật Bản đã đóng góp vào lịch sử Nho học nói chung và mang đặc trưng riêng của Nhật Bản.

Từ khóa: Nho giáo Nhật Bản, kinh học Nhật Bản, lịch sử Nhật Bản.

Ngày nhận bài: 22/08/2024; ngày phản biện: 23/08/2024; ngày sửa chữa: 25/09/2024; ngày duyệt đăng: 15/10/2024.

1. Mở đầu

Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam nằm trong vùng văn hóa Hán, chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo với các mức độ khác nhau, việc nghiên cứu kinh điển Nho giáo trong lịch sử hay còn gọi là nghiên cứu kinh học ở mỗi quốc gia khu vực phương Đông đều mang nét độc đáo riêng. Nghiên cứu kinh học Nhật Bản chủ yếu thông qua nghiên cứu kinh điển của Nho giáo cơ bản là Ngũ kinh (Kinh thư, Kinh thi, Kinh lễ, Kinh dịch, Kinh Xuân Thu) và Tứ thư (Luận ngữ,

Mạnh Tử, Trung dung, Đại học); ngoài ra, còn có Hiếu kinh, Tiểu học và các sách của Chu Tử.

Nhật Bản tiếp nhận văn hóa, văn học, Hán học, các học thuyết Nho giáo khá sớm từ Trung Hoa. *Luận ngữ* - cuốn sách lâu đời và phổ biến nhất trong Tứ thư đã du nhập vào Nhật Bản từ cuối

(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài Nafosted “Tư tưởng của các nhà kinh học Việt Nam thế kỷ XVIII (Lê Quý Đôn, Phạm Nguyễn Du, Ngô Thì Nhậm)” do PGS.TS. Nguyễn Tài Đông làm chủ nhiệm, Viện Triết học là cơ quan chủ trì (2020-2022).

thế kỷ thứ III. Tức là, Luận ngữ xuất hiện ở Nhật Bản trước cả cuốn sử ký cổ nhất “Kojiki” (Cổ sự ký)¹ của người Nhật Bản. Kể từ khi du nhập vào Nhật Bản, những học thuyết trong Luận ngữ đã hòa quyện vào tư tưởng người Nhật Bản, ảnh hưởng lớn đến văn hóa tinh thần của người Nhật. Quá trình tiếp nhận Nho học ở Nhật Bản tất yếu trải qua những chuyển biến song hành với biến động về mặt chính trị - xã hội của Nhật Bản.

Trong bài viết này, tác giả sử dụng phân kỳ lịch sử theo tác giả Thích Thiên Ân để làm rõ quá trình hình thành và phát triển kinh học Nhật Bản (Thích Thiên Ân 2018: 291). Theo đó, quá trình hình thành và phát triển kinh học Nhật Bản được chia thành các giai đoạn: Cổ đại, Trung thế, Cận thế, Cận hiện đại. Từ thời tiền sử đến cuối thời đại Heian (1192) là Thời kỳ cổ đại. Từ thời đại Kamakura (1192) đến cuối thời đại Azuchi Momoyama (1603) là thời kỳ Trung thế. Từ thời đại Edo năm 1603 đến 1867 là Thời kỳ cận thế. Từ thời đại Meiji (1868) đến thời đại Showa (1926-1989) và đến nay gọi là Thời kỳ Cận hiện đại.

2. Thời kỳ cổ đại

Theo ghi chép trong cuốn lịch sử cổ nhất Nhật Bản “Kojiki” (Cổ sự ký)

thời kỳ này, Nho giáo nguyên thủy đã du nhập vào Nhật Bản. Vương Nhân (Wani) từ Trung Hoa đã mang tác phẩm Kinh dịch, Kinh thi, Kinh thư (Thượng thư), Xuân thu tả thị truyện (lễ kí) đến Nhật Bản vào thế kỷ VI, Ứng thân Thiên Hoàng coi trọng Vương Nhân và nhận định rằng, “ông Vương Nhân là một người rất thông bác về kinh điển của thánh hiền, nên người đời thường gọi ông là thủy tổ của học vấn” (Thích Thiên Ân 2018: 277).

Ngoài ra, vua của nước Tân La (Triều Tiên) đã cử Hòa Nhĩ Cát Sư mang đến Nhật Bản mười quyển *Luận ngữ*, một quyển *Thiên văn tự công* nạp triều đình Nhật Bản.

Từ đó trở đi, các đời Thiên hoàng tiếp tục mời các nhà Nho đến Nhật Bản để giảng dạy. Vào đời Thiên hoàng thứ 15 (năm 554), vua của Bách Tế vì cầu viện binh đã đưa đến Nhật Bản những nhà Nho am hiểu về ngũ kinh, cũng như những người thông hiểu về y học, lịch sử, thiên văn học,...

Kinh điển Nho giáo đến Nhật Bản thông qua người di cư (tầng lớp bình dân) và các nhà Nho (tầng lớp tri thức) của Trung Hoa, Triều Tiên. Khi đến Nhật Bản, Nho giáo đã bắt rễ vào đời

¹ Cổ sự ký ra đời vào thế kỷ VIII (năm 711), là ghi chép biên niên cổ nhất còn sót lại của Nhật Bản

sống người dân cùng với Hán tự, Phật giáo,... Kết quả nổi bật của nghiên cứu kinh học thời kỳ này là sự ra đời của *Thập nhất điều hiến pháp* - Hiến pháp đầu tiên của Nhật Bản, “bắt đầu dung nạp toàn bộ văn hóa Trung Hoa qua các câu văn của Kinh thi, Kinh thư, Hiếu kinh, Tả truyện, Lễ kí, và của Quan tử, Mạnh tử” (Makizumi Etsuko 2016: 177); không chỉ “là một đạo luật quy định tôn ty trật tự, cách thức xử thế, phương pháp trị dân của Thánh Đức thái tử, mà còn là một quan niệm nhân sinh, khuyến khích mọi người, kể cả người chấp chương quyền chính, cai trị nhân dân theo kỉ cương nhân luân đạo đức” (Thích Thiên Ân 2008: 279).

Thập nhất điều hiến pháp không chỉ thể hiện sức ảnh hưởng lớn của các học thuyết Nho giáo, mà còn kết hợp với các giáo lý nhà Phật. Cho nên, ở giai đoạn này, tư tưởng “Nho Phật nhất trí” đã xuất hiện.

Phải nói rằng, Nho giáo khá thuận lợi khi đến Nhật Bản, được tầng lớp quan lại triều đình coi trọng, ủng hộ đến mức Thiên hoàng cho thành lập Đại học liêu² (大學寮) để khuyến khích mọi người học tập, nghiên cứu các kinh điển Nho học. Sự lan rộng của Kinh học bắt đầu từ việc giảng dạy một số môn học tại Đại học liêu, như: Minh kinh đạo (明経), Toán số đạo (算道) (Thích Thiên

Ân 2018: 287), sau đó (từ 724 -766) là Minh pháp đạo (明法), Văn chương đạo (文章). Trong đó, Minh kinh đạo được đánh giá là quan trọng hơn cả.

Như vậy, nghiên cứu kinh học ở Nhật Bản bắt đầu khá sớm. Sự ra đời của *Thập nhất điều hiến pháp* và việc thành lập Đại học liêu (nơi giảng dạy, nghiên cứu kinh học) là thành tựu của việc nghiên cứu kinh học Nhật Bản ở giai đoạn này. Rõ ràng, nghiên cứu kinh học ở Nhật Bản thời kỳ cổ đại có nhiều thuận lợi khi được triều đình ủng hộ.

3. Thời kỳ Trung thế (1192-1603)

Cuối thời kỳ cổ đại, đầu thời kỳ trung thế, Nho giáo có ảnh hưởng đặc biệt sâu đậm và rộng rãi đến người dân Nhật Bản. Từ giữa đời Tống (960-1279), các thiền sư Trung Hoa đã truyền bá Phật giáo vào Nhật Bản, đồng thời truyền giảng đạo lý của Nho học tại Nhật Bản. Nhiều kinh điển Nho học được nghiên cứu ở Nhật Bản thời kỳ này, như Đại học, *Trung dung*,... Trong cuốn *Hoa Viên viện thời kỳ* có nhắc đến tính tương đồng của Nho giáo và Phật giáo tại Nhật Bản thời kỳ này: “Tống Nho là những tư tưởng, học thuyết rất gần với tư tưởng của Phật giáo và rất giống với tinh thần của Thiền học”

² Đại học liêu (Daigaku ryō) là trường đại học Hoàng gia cũ của Nhật Bản, được thành lập vào cuối thế kỷ VII.

(Thích Thiên Ân 2018: 292).

Các tư tưởng Nho giáo đã hòa quyện với Phật giáo nên Nho giáo không mang tính độc tôn, mà mang tư duy thực tế, đúng đắn về triết lý cuộc sống như Thiền sư Huyền Huệ (Kanzan Egen) đã nói: “Nho học cần phải cải cách canh tân và cần phải nêu cao thực chất để trừ bỏ những đòi hỏi hủ tục” (Thích Thiên Ân 2018: 293).

Đến thời đại Muromachi (1336–1573), sức ảnh hưởng của Nho giáo có sự giới hạn và bộc lộ rất rời rạc trong tư tưởng chính trị của Nho giáo. Thời gian này, Chu tử học do Lâm Tế Tôn được truyền vào Nhật Bản. Đây cũng là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của Phật giáo Thiền tông, một tông phái có tương lai rộng mở và có sức ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa Nhật Bản. Các tầng lớp phái Thiền tông thể hiện đức tính tôn trọng thứ bậc - phương pháp tu dưỡng đạo đức của Chu tử học, đồng thời cũng là phương pháp tu dưỡng của Thiền.

Mặt khác, Nho giáo lúc đó được coi là công cụ điều hành đất nước của chính quyền với phương châm “người cai trị là người có đạo đức”, tướng quân thay cho Thiên Hoàng tiến hành “đường chính an dân”. Do đó, Nho giáo được cho là nhất thể với Thiền Tông, Thiền Nho nhất thể là trung tâm, Nho giáo không được coi là

một tư tưởng độc lập khác với Phật giáo Thiền tông.

Nho giáo được nghiên cứu chủ yếu tại các học viện của phái Chu tử học, phái Thiền tông. Ngoài ra, vào nửa đầu thế kỷ XV, các bài giảng về Nho giáo đã được tổ chức tại Trường Ashikaga ở tỉnh Shimotsuke. Chương trình giảng dạy chủ yếu là: văn học cổ điển Trung Quốc, kinh điển Nho giáo, Liệt tử, Trang tử, Sử ký, Kinh Dịch và y học Trung Quốc.

Thời kỳ trung thế, trải qua sự hỗn loạn của thời kỳ Chiến quốc (1467-1615), hầu hết các võ tướng đều nhận ra rằng chiến tranh, bạo lực sẽ không làm cho dân an hòa, quy thuận. Do vậy, quan niệm “văn võ kiêm toàn” ra đời. Do chịu nhiều ảnh hưởng bởi tư tưởng Tống Nho và Thiền học, nên võ sĩ giai đoạn này chú tâm đến “chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của Nho học và “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân” (Mỗi ngày dùng ba sự việc để phản tỉnh ngôn hành của bản thân) của bộ *Luyện ngữ*.

Như vậy, ở giai đoạn này, Nho giáo Nhật Bản hòa quyện với các giáo lý Phật giáo mang một màu sắc riêng, có sự cải biến so với Nho giáo nguyên thủy khi mới truyền đến Nhật Bản. Nghiên cứu kinh học được tổ chức ở các trường học và lan rộng ở lãnh địa của các lãnh chúa. Bởi, các nhà nho chạy loạn ở thời kỳ

Chiến quốc đã dạy kinh điển Nho giáo ở các lãnh địa. Có thể nói, ở thời kỳ Trung thế, kinh học lan tỏa rộng rãi tới người dân Nhật Bản.

4. Thời kỳ cận thế (1603-1867)

Đến thời đại Edo (1603-1867), Nho giáo thoát khỏi Phật giáo Thiền tông và phát triển mạnh mẽ, sự ổn định trong nước được xem là trọng tâm chính sách chính trị của chính quyền Nhật Bản lúc bấy giờ.

Về dòng chảy của Nho giáo thời kỳ Edo, có 3 học phái lớn: học phái Chu tử học gồm Fujiwara Seika (Đặng Nguyên Tinh Oa), Hayashi Razan (Lâm La Sơn), Yamazaki Ansai (Sơn Kỳ Âm Tế),...); học phái Dương minh học (như Nakae Toju (Trương Giang Đặng Thụ), Kumazawa Banzan (Hùng Trạch Phồn Sơn,...)); học phái Cổ học (như Yamaga Soko (Sơn Lộc Tổ Hành), Ito Jinsai (Y Đằng Nhân Trai), Ogyu Sorai (Địch Sinh Tổ Lai),... (Toshiko Komada 2014:17).

Chính quyền Mạc Phủ thời kỳ Edo lấy Chu tử học làm trung tâm. Các nhà Chu tử học tiêu biểu của giai đoạn này là Fujiwara Seika (Đặng Nguyên Tinh Oa) (1561-1619), Hayashi Razan (Lâm La Sơn) (1583-1657). Chu tử học là học vấn được hình thành vào thời Nam Tống, rất hưng thịnh ở Hàn Quốc dưới triều đại Lý (khoảng thế kỷ XV). Nhiều sách Nho giáo đã được các học giả Chu

tử học Hàn Quốc mang đến Nhật Bản. Tướng quân Tokugawa Ieyasu (Đức Xuyên Gia Giang) thời kỳ Mạc phủ là người say mê học thuật, quan tâm đến Luận ngữ và Trình giáo chính yếu³ (Tomiya Arai 2016). Cho nên, Chu tử học trở thành trụ cột mang tính tư tưởng Thiên hạ thống nhất thời kỳ Minh Trị.

Ảnh hưởng rất lớn của nghiên cứu Kinh học giai đoạn này là việc Lâm La Sơn, nhà Nho có vai trò lớn đối với triều đình, phác thảo bản “Võ gia chư pháp độ” (năm 1663) nhằm xây dựng các giáo lý cho triều đình Mạc phủ Tokugawa, lấy Chu tử học làm nền móng cơ bản cho việc trị nước, đề cao lòng trung thành của các lãnh chúa đối với triều đình. Nội dung của “Võ gia chư pháp độ” có 13 điều, thể hiện chủ trương thu tóm quyền lực chính trị tuyệt đối của Mạc phủ Tokugawa, và sau khi có chính sách Sankin kotai⁴, nó tiếp tục được bổ sung nhằm tăng cường sức mạnh quân sự, chính trị, giám tiếm lực của các lãnh chúa, đồng thời chính

³ Trình giáo chính yếu là cuốn sách được coi là hành ngôn chính trị của Thái tôn nhà Đường, sách giáo khoa của Đế vương

⁴ Sankin kotai là chính sách cách một năm các lãnh chúa lại phải về Edo để diện kiến tướng quân (Tokugawa shogun). Để bảo đảm cho cuộc sống lâu dài và thường xuyên ở “kinh đô” mỗi lãnh chúa đều phải tự xây dựng cho mình một cơ sở lưu trú riêng. Khi hết thời hạn quy định, các lãnh chúa cùng đoàn tùy tùng có thể trở về địa phương nhưng phải để vợ con lại thành Edo.

quyền ban hành luật pháp, nắm quyền chủ động trong chính sách đối ngoại... Chính sách Sankin kotai đã ảnh hưởng rất lớn đến xã hội Nhật Bản trong hai thập kỷ, “Mạc phủ Edo đã xác lập được sự “cân bằng” tương đối về quyền lực chính trị giữa chính quyền trung ương với các lãnh chúa địa phương để rồi từ đó xây dựng nên mối quan hệ “tôn chủ – bồi thần” rất điển hình ở Nhật Bản” (Nguyễn Văn Kim 2003: 89)

Chính sách này giúp Mạc phủ Edo có thể thực hiện được sự thống nhất và tập trung quyền lực, nhưng trên thực tế, nó bộc lộ hạn chế là làm suy giảm tính tự chủ của lãnh chúa phong kiến, khiến đời sống của người dân các vùng lãnh địa trở nên vất vả và gặp nhiều áp lực.

Một ảnh hưởng nữa của nghiên cứu kinh học Nhật Bản đó là nhiều trường học ở các lãnh địa hay Terakoya⁵ dành cho tầng lớp thị dân đã thúc đẩy mạnh mẽ giáo dục lấy tư tưởng của Chu tử học làm nền tảng. Các trường học giai đoạn này đề cao tính lễ nghi, dạy đọc viết, dạy tính bàn tính.

Ở Trung Quốc cổ đại, trẻ nhỏ 8 tuổi học theo cuốn *Tiểu học*, được rèn “dọn dẹp, ứng đối, tiên thoái, lễ, nhạc, Tà, ngựa, thư, văn” (Motohiro Takashima 2009: 191), 15 tuổi học “rèn luyện

đạo lý, uốn nắn tâm hồn, tu dưỡng bản thân và trị nhân” theo cuốn *Đại học* (Motohiro Takashima 2009: 191). Việc hình thành học vấn “Tu thân trị nhân” trong *Đại học* là giáo dục được hình thành từ *Tiểu học*. Ở Nhật Bản đã xuất hiện các mô hình trường học với nội dung giảng dạy tương tự như Trung Quốc. Chẳng hạn, tại trường Nisshinkan (năm 1803), ở lãnh địa Aizu, con các võ sĩ trong lãnh địa khi 10 tuổi nhập học vào “Sodokujo” (素読所) (như học cuốn *Tiểu học*) và được học tập nền tảng cơ bản như võ sĩ gồm đọc sách, thực hành lễ nghi, kiến thức,...; sau khi thi tốt nghiệp, sẽ học lên “Koushakujo” (講釈所), ở đây phương pháp học tập chủ yếu là thảo luận, tự nghiên cứu.

Thời kỳ Edo, trường học của chính quyền Mạc phủ và các trường tư thực ở các lãnh địa được mở ra nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục cao hơn của người dân, bắt đầu từ việc học tập và nghiên cứu Hán học, khoa học tự nhiên và nhân văn, từ các võ sĩ samurai đến người dân thường đều cống hiến hết mình cho việc học.

Trường tư thực phân chia thành nhiều lĩnh vực, như trường Hán học (nhô học, Chu tử học, Dương Minh học, cổ học,

⁵ Terakoya là các cơ sở giáo dục tư nhân dạy đọc và viết cho con em thường dân Nhật Bản thời kỳ Edo.

tâm học), trường Quốc học, Y học - Hà Lan học, trường Tây học... Đặc biệt, chính quyền Mạc phủ khuyến khích học tập Nho giáo, đặc biệt là Chu tử học, thành lập nhiều trường tư thục Hán học trên phạm vi cả nước.

Theo Tài liệu Lịch sử Giáo dục Nhật Bản (cuốn 8.9), ở Nhật Bản thời kỳ này, có 1.067 trường tư được thành lập trước năm 1868 và 1.493 trường tư đã tồn tại đến năm thứ 5 của thời kỳ Minh Trị. Trong số này, 612 trường Hán học (41,3%), 415 trường dạy thư pháp gồm cả Hòa Hán học (tức là cả Nhật Bản học và Hán học) sử dụng sách giáo khoa Nho học (28,0%), 47 trường Tây học (3,2%) trong đó tập trung vào y học (37 trường), trường Quốc học (0,6%) và 175 trường toán học (11,8%). Các trường liên quan đến việc giảng dạy Hán học và Hòa Hán học chiếm tỷ lệ cao lên đến 70% (Takeshi Kimono 2020: 18).

Đặc biệt, ở các thành phố lớn, như Edo (nay là Tokyo), Osaka, Kyoto, việc phổ biến, học tập, nghiên cứu kinh học diễn ra rộng khắp và tác động rất lớn đến mọi tầng lớp nhân dân.

Việc giảng dạy các triết lý của Chu tử học tại các trường học ở Nhật Bản giai đoạn thế kỷ XVIII rất phổ biến. Điều này có nghĩa cùng với sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản thời kỳ Edo, người dân ở thành thị và nông thôn đều cần biết đọc,

biết viết. Các tư tưởng của Chu tử học về “nhân bản” như lòng hiếu thảo trong gia đình, lòng trung thành của con người và việc dạy đọc viết tại các trường học đã thúc đẩy xã hội Nhật Bản phát triển ở thời kỳ này.

Bối cảnh xã hội và chính trị ở mỗi thời kỳ sẽ quyết định sự phát triển của học vấn và giáo dục của thời kỳ đó. Từ cuối thời kỳ Chiến quốc, Nho giáo đã đạt được vị trí cao trong xã hội, giúp củng cố quyền lực của triều đình phong kiến. Đầu thời kỳ Edo, giai đoạn thể hiện rõ hình tượng võ sĩ, tầng lớp có tri thức học vấn, cải cách chế độ của võ gia là “khích lệ văn võ phải trung hiếu, phải đúng lễ nghi”, các nhà Nho học được tướng quân đối xử rất ưu ái vì học thức của họ.

Mặc dù thời kỳ Edo, Nho giáo, đặc biệt là Chu tử học, trở thành công cụ trị quốc của triều đình Mạc phủ, các trường học giảng dạy bằng các sách thánh hiền, dung dưỡng con người bằng lễ nghi, đạo đức của Nho giáo; nhưng đến cuối thời kỳ Edo, Chu tử học ngày càng mất dần vị thế mà thay vào đó là các tư tưởng, tri thức, học vấn của phương Tây đã bắt đầu bén rễ vào xã hội Nhật Bản và phát triển cùng với tư tưởng Thần đạo phục cổ, tôn trọng Thiên hoàng.

Nghiên cứu kinh học không những tác động đến các chính sách của triều

đình Nhật Bản, mà còn ảnh hưởng đến tư tưởng của các nhà nho, như Sorai Ogyu, Jinsai Ito,...

Sorai thông qua việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của Nho giáo tin rằng các nhà hiền triết thời cổ đại đã tạo ra “Lý” để hài hòa thế giới con người, nên “Lý” trong kinh điển của Nho giáo không phải do thần thánh tạo ra mà là do con người tạo ra. Người cai trị có thể sửa đổi các quy tắc góp phần tạo nên sự hài hòa của thế giới con người, thuận theo nguyên tắc của trời. Không những thế, Sorai còn cho rằng, “Đạo” được chia theo nghi thức (lễ) và âm nhạc (nhạc). “Lễ” mang lại trật tự xã hội, “Nhạc” là nguồn cảm hứng cho tâm hồn. Điều này cho phép dòng chảy cảm xúc của con người diễn ra một cách tự nhiên, làm cho cuộc sống của con người thêm phong phú thông qua âm nhạc và thơ ca. Sorai cũng chủ trương khuyến khích con người đối mặt với những cảm xúc và mong muốn của chính họ, đồng thời thể hiện chúng theo cách thích hợp.

Có thể kể đến một số tác phẩm của Sorai, như: Biện đạo (弁道), Biện danh (弁名), Nghị tự luật thư (擬自律書), Thái bình sách (太平策), Chánh đàm (政談), Học tắc (學則), Luận ngữ trung (論語徵).

Jinsai Ito (1627-1705), nhà nho Nhật Bản đã chỉ ra điểm yếu, điểm mâu thuẫn

mang tính học vắn của Chu tử học và Dương minh học. Ông hướng đến việc trở về quan điểm thuần túy ban đầu của Khổng Tử và Mạnh Tử, nghiên cứu bản chất của Luận ngữ (論語), Mạnh Tử (孟子), Trung dung (中庸), Dịch thư (易書), Đại học (大學), Kí tư lục (近思錄). Jinsai Ito giảng kinh điển Tứ thư ngũ kinh cho học viên bằng phương pháp cùng thảo luận, hỏi đáp về chú nghĩa. Kogidou Juku là trường học tư thục lớn do ông thành lập, có đến 3000 môn đệ hầu hết xuất thân là người dân thường, đào tạo nhiều học giả xuất sắc.

Jinsai Ito đọc trực tiếp *Luận ngữ* của Khổng Tử và Mạnh Tử không dựa vào chú giải của học giả khác, cố gắng nắm bắt chính xác bản chất tư tưởng của Khổng Tử, Mạnh Tử. Ông bác bỏ quan niệm tâm (chính nghĩa) bảo vệ trật tự giai cấp xã hội mà Chu tử học giải thích. Ông cho rằng, tâm (tôn trọng) của người lãnh đạo làm cho mọi tầng lớp trong xã hội vượt qua sự khác biệt về thân phận, đề cao lòng nhân ái. Đối với ông, Thánh nhân là nhà văn hóa vĩ đại nhất trong vũ trụ, có thể lấp đầy thế giới bằng tình yêu, và con đường vương đạo lý tưởng là không chính trị và quyền lực.

Có thể kể đến một số tác phẩm tiêu biểu của Jinsai Ito, như: “Ngữ Mạnh tự nghĩa” (語孟字義), “Đồng tử môn”

(童子問), “Đại học định bản” (大学定本), “Trung dung phát huy” (中庸發揮), “Luận ngữ cổ nghĩa” (論語古義), “Mạnh tử cổ nghĩa” (孟子古義), “Cổ học tiên sinh văn tập - thi tập” (古学先生文集・詩集).

Như vậy, thời kỳ cận thế kéo dài 265 năm, Nhật Bản đóng cửa khép kín nên mọi lĩnh vực bên trong xã hội Nhật Bản có sự chuyển biến rất lớn, trong đó có kinh học. Giai đoạn này có nhiều trường phái, các học thuyết Nho giáo, kinh điển Nho giáo được mở rộng đến nhiều tầng lớp nhân dân. Kinh học giai đoạn này phát triển thông qua các nhà nho và các trường học; đặc biệt, sự xuất hiện tư tưởng độc đáo của Jinsai Ito khi phê phán Chu tử học, đã làm sáng tỏ tư tưởng của Khổng Tử và Mạnh Tử và hình thành lập trường phái Cổ học. Jinsai Ito cho rằng, thuyết nhị nguyên luận của Chu tử học không tồn tại, chỉ có đất trời cùng tồn tại nhất nguyên. Trật tự sống động của đất trời chính là thiên đạo (天道) (Đại từ điển quốc ngữ Nhật Bản Kotobank). Con người cũng giống như trời đất, có mối quan hệ qua lại với nhau gọi là đạo làm người (人道). Sự tồn tại của con người nằm trong mối quan hệ qua lại năng động, và cốt lõi của đạo làm người là hình thành nên sự thống nhất đạo đức: lòng nhân từ, tình yêu thương, thực hành đạo làm người hàng ngày. Việc

thực hành đạo làm người được thể hiện thông qua cuộc sống của những người bình thường, tập trung vào cuộc sống gia đình yêu thương của mỗi người. Đây là điểm nổi bật khi nghiên cứu kinh học Nhật Bản thời kỳ này.

5. Thời cận hiện đại (từ 1867 đến nay)

Nghiên cứu kinh học ở Nhật Bản vẫn tiếp tục ở thời kỳ cận hiện đại. Nền giáo dục hiện đại ban đầu tập trung vào Nho giáo và Chu tử học, được thực hành trong các cơ sở giáo dục của Mạc phủ cũng như các trường tư thục, trong suốt 265 năm trong thời đại Edo, đã có ảnh hưởng và tác động lớn đến Giáo dục công hiện đại sau Minh Trị Duy Tân.

Sau Minh Trị Duy Tân, chính quyền Minh Trị đã công bố Học chế (năm 1872), chương trình học đã được bổ sung đầy đủ hơn. Nội dung các môn học ở trường Tư thục (năm 1876) chứa đựng các kinh điển Nho giáo: năm nhất học giáo trình các môn: Quốc sử lược, Đại học, Luận ngữ, 18 bộ lược sử (国史略、大学、論語、十八史略); năm thứ hai học: Luận ngữ, Mạnh tử, Nhật Bản ngoại sử, 18 bộ lược sử, Nguyên Minh lược sử (論語、孟子、日本外史、十八史略、元明史略); năm thứ ba: Mạnh tử, Trung dung, Nhật Bản chính sử, văn chương quy phạm (孟子、中庸、日本政記、文章規範); năm thứ

tư học: Tả thị truyền, Đại Nhật Bản sử, Tư trị thông giám, Tác phẩm của 8 nhà văn tiêu biểu thời Đường, Tống (左氏伝、大日本史、資治通鑑、唐宋八家文); năm thứ năm học: Kinh thi, kinh thư, Tư trị thông giám, sử ký, Hán thư, tám nhà văn tiêu biểu thời Đường Tống (詩経、書経、資治通鑑、史記、漢書、唐宋八家) (Takeshi Kimono 2020: 22).

Sau nhiều lần chuyển đổi từ môn bắt buộc thành môn tự chọn (năm 1960, 1999, 2008), danh mục hướng dẫn các môn học liên quan đến kinh điển vẫn được tiếp tục giảng dạy ở các trường cao đẳng, đại học ở Nhật Bản. Theo danh mục hướng dẫn năm 2014, trong đó có nội dung học gồm cả kinh điển Nho giáo, như Sử ký: Sử ký Tư Mã Thiên, Đại sử công thư, Hạng vũ bản ký, Cao tổ bản ký (司馬遷の史書、太史公書、項羽本紀、高祖本紀); Tư tưởng: Luận ngữ gồm Dương hóa, Lý nhân, Vệ Linh công, Nhan uyên, Học nhi, Vi chính, Hiến văn thiên, Cận tư lục, Mạnh tử, Tuân tử, Lão tử, Trang tử, Hàn Phi tử (論語=陽貨・里仁・衛靈公・顔淵・学而・為政・憲問 26 篇、近思録、孟子、荀子、老子、莊子、韓非子); Cổ thơ: Kinh thi, Đào uyên minh, Đường thi tam bách, Đỗ công bộ tập (詩経、陶淵明、唐詩三百、杜工部集) (Takeshi Kimono 2020: 26, 27).

Vào thời kỳ cận đại, năm 1885, Bộ trưởng Giáo dục đã ban bố quy chế giáo dục đạo đức Nho giáo cho học sinh. Sau đó, Thị giảng Cung Nội tỉnh công bố Giáo dục sắc ngữ (教育勅語) là chỉ dụ giáo dục của Thiên hoàng. Trong đó, phần đầu ghi lại những lời dạy của các Thiên hoàng trong lịch sử xác lập quan hệ giữa đạo đức và quốc gia: Lòng trung hiếu của thần dân là “tinh hoa của quốc thể”, là “ngọn nguồn của giáo dục”...; Phần tiếp theo trình bày 12 đức mục: Hiếu với cha mẹ, Hòa vợ chồng, Tôn trọng pháp luật, Tinh thần xả thân khi quốc gia hữu sự... Tinh thần ấy, về cơ bản, chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng Nho giáo truyền thống (Đoàn Lê Giang 2007).

Nhật Bản chủ trương hiện đại hóa nên đã thực hiện nhiều chính sách như phái cử các trí thức sang phương Tây học tập mô hình giáo dục, học tập mô hình chính sách,... Nhưng rõ ràng, người Nhật Bản vẫn giữ tinh thần tốt đẹp của Nho giáo, thể hiện qua chủ trương “công nghệ phương Tây, tinh thần Nhật Bản”.

Hiện nay, nghiên cứu, giảng dạy kinh học vẫn được các viện nghiên cứu, các trường đại học tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên, Nho học không được giảng dạy trực tiếp ở các trường học phổ thông mà

thay thế vào đó là môn đạo đức. Môn đạo đức được giảng dạy ở các cấp học nhằm nuôi dưỡng những đức tính tốt đẹp của đạo làm người.

Về mặt lịch sử, tại Nhật Bản, việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển Nho giáo của Trung Quốc đã đóng một vai trò to lớn và ảnh hưởng đến sự hình thành các giá trị, triết học và tư tưởng của Nhật Bản. Việc nghiên cứu, phổ biến các tác phẩm kinh điển của Trung Quốc về Nho giáo và Chu tử học vẫn có ảnh hưởng to lớn cả trực tiếp và gián tiếp đến nhiều khía cạnh khác nhau, như sự hình thành các giá trị đạo đức: “hiếu”, “nhân”, “trung”, “lễ”, “trí”, “tín” giống như “các quy tắc và giá trị đạo đức” của người Nhật Bản.

6. Kết luận

Quá trình phát triển của Nho học của Nhật Bản cũng phản ánh lịch sử phát triển của kinh học của Nhật Bản. Bởi, nghiên cứu kinh học là nghiên cứu quá trình tiếp thu Nho học qua các thời đại. Quá trình tiếp thu Nho giáo của Nhật Bản có sự thuận lợi nhất định ngay từ thời cổ đại khi được sự ủng hộ của giai cấp cầm quyền. Kinh học ở Nhật Bản có sự chuyển biến rất đặc biệt dưới sự tác động của giới cầm quyền khi có sự kết hợp với Phật giáo ở thời kỳ Trung thế.

Thời kỳ cận thế của Nhật Bản kéo

dài với sự thống trị của triều đình phong kiến Mạc phủ đã tạo ra một thời hoàng kim trong lịch sử Nhật Bản. Giai đoạn này, Nhật Bản phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa, trong đó có sự phát triển của kinh học. Việc nghiên cứu kinh học rộng rãi thể hiện qua sự xuất hiện ngày càng nhiều các trường tư thục dạy về các học thuyết Nho giáo và Chu tử học cùng với số lượng người học tăng lên. Đặc biệt, nhà nho Nhật Bản, đại diện là Jinsai Ito đã có tư tưởng độc lập, đưa ra những nhận định cũng như tạo ra trường phái riêng (Cổ học) hay Sorai Ogyu đưa ra quan điểm khác với Nho giáo nguyên thủy. Từ quan điểm này, có thể thấy, việc nghiên cứu kinh học ở Nhật Bản đã có nhiều đóng góp vào lịch sử Nho học nói chung. Ngoài ra, việc nghiên cứu và giảng dạy kinh học ở các trường học liên tục không ngắt quãng từ quá khứ đến hiện tại đã góp phần định hình những đức tính tốt đẹp của người dân Nhật Bản, những đức tính được cả thế giới ngưỡng mộ.

Tài liệu trích dẫn

1. Thích Thiên Ân. 2018. *Lịch sử Tư tưởng Nhật Bản Phật giáo - Nho giáo - Thần đạo*. Nxb. Hồng Đức.
2. Makizumi Etsuko. 2016. “Nho học ở Nhật Bản – Đặc trưng và quá trình phát triển của nó”. *Nghiên cứu Hán Văn*

của Nhật Bản, quyển 11 (牧角悦子 - 日本における儒教 - その発展過程と特徴 - 牧角悦子 - 日本における儒教 - その発展過程と特徴 - The Journal of Kanbun Studies 11, p.175-188, 2016-03-31)

3. Toshiko Komada. 2014. “Các khía cạnh tiếp nhận Nho giáo trong xã hội Đông Á thời cận thế (1) - Trường hợp thời kỳ Edo của Nhật Bản”. *Tạp chí Đại học Thương Mại ChiBa*, số 52 (1), tháng 9. (小玉敏彦、東アジア近世社会における儒教受容の諸相 (1) - 江戸時代の日本の場合、千葉商大紀要千葉商科大学国府台学会 編 52 (1)、15-31、2014-09)

4. Tomiya Arai. 2016. “Học vấn và tư tưởng Nhật Bản cận đại”. Tháng 7/2016 (荒井登美也、近世日本の思想と学問、東書文庫通信、2016) (<https://www.tosho-bunko.jp/column/realization/column16.html>)

5. Nguyễn Văn Kim. 2003. “Chế độ Sankin kotai ở Nhật Bản thời Edo - Quá trình phát triển, mục tiêu và cơ chế”, tr.89-114, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: Những vấn đề lịch sử và hiện tại*. Hà Nội: Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

6. Motohiro Takashima. 2009. *Đặc trưng Nho giáo Nhật Bản*, Báo cáo “Phát triển kỹ năng giao tiếp quốc tế trong

nghiên cứu văn hóa Nhật Bản” thuộc

chương trình hỗ trợ cải cách giáo dục sau đại học của Đại học Ochanomizu, (高島元洋、日本儒教の特徴、大学院教育改革支援プログラム「日本文化研究の国際的情報伝達スキルの育成」活動報告書 平成20年度 海外教育派遣事業編 187-204, 2009-03-31)

7. Takeshi Kimono. 2020. “Triết học và tư tưởng về giáo dục công thời cận đại và giáo dục Edo thời cận thế - Nho giáo – Tân nho giáo trong các trường tư thục, Gogaku và Terakoya (Kiểm chứng lịch sử về nội dung và hệ thống giáo dục)”. *Tạp chí khoa giáo dục*, Đại học Wakayama Shinai, số 1-2020 (木本 毅、江戸期近世教育と近代公教育の思想と哲学 ―私塾・郷学・寺子屋における儒学・朱子学 ― 教育の内容と制度の歴史的検証) 和歌山信愛大学教育学部紀要第1巻 2020)

8. Đoàn Lê Giang. 2010. “Nho giáo Nhật Bản và Nho giáo Việt Nam”, tháng 10/2007 (<http://vanhoanghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/1313-nho-giao-nhat-ban-va-nho-giao-viet-nam>, truy cập Thứ 3, 30/11/2010)

9. Đại từ điển quốc ngữ Nhật Bản Kotobanku

(<http://kotobank> .